

Phụ lục III
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN CƯ KUIN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính							
				Xã Ea Ning	Xã Cư Êwi	Xã Ea Ktur	Xã Ea Tiêu	Xã Ea BHók	Xã Ea Hu	Xã Dray Bhang	Xã Hòa Hiệp
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(12)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	239,76	14,83	89,37	37,97	39,26	29,30	0,65	10,67	17,73
	<i>Trong đó:</i>										
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	20,83	0,33	7,43	1,03	0,82	9,48			1,75
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	20,83	0,33	7,43	1,03	0,82	9,48			1,75
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	35,88		18,85	0,40	0,49	3,33	0,20	0,11	12,51
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	176,94	14,50	63,09	36,53	37,93	11,02	0,35	10,56	2,97
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN									
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN									
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	5,79	-	-	-	-	5,38	-	-	0,41
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>									
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,32	-	-	0,04	-	0,09	0,10	-	0,09
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>										
2.1	Đất trồng lúa chuyên sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN									
2.2	Đất trồng lúa chuyên sang đất lâm nghiệp	LUA/LNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất trồng lúa chuyên sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất trồng lúa chuyên sang đất làm muối	LUA/LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất trồng cây hàng năm chuyên sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,50	0,32	-	-	-	0,10	-	0,08	-

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác
 - PKO là đất phi nông nghiệp không phải đất ở

